TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HS-ST
Ngày: 26-11-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Hữu Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Kim Mỹ và bà Trần Thị lệ Dung.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Khánh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo: Trần Trọng Đ, sinh năm 1978; ĐKHK và nơi cư trú: xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 9/12; con ông Trần Quốc T (đã chết) và bà Trần Thị H; có vợ là Trần Thị Đ, sinh năm 1979 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 23/7/2009 UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời hạn 24 tháng; bị bắt tạm giam ngày 13/9/2018 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Duy H là Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình (có mặt).

Người bị hại: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1970; trú tại: xóm 2, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1972; trú tại: xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Trần Văn V, Trần Văn C, chị Hà Thị T và Phạm Thị M (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ ngày 12/9/2018 Trần Trọng Đ đi xe Bus từ

thị trấn P lên Cầu đá U thuộc xóm 2, xã Q, huyện K thì xuống xe đi bộ vào nhà bạn là anh Trần Văn V sinh năm 1972 ở xóm 2, xã Q, huyện K để chơi. Khi tới cổng nhà anh V, Đ nhìn thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Biển kiểm soát 35B1-342.95 của anh Trần Văn Đ dựng ở sân trước nhà anh Đ (nhà anh Đ và nhà V đi chung sân, chung cổng với nhau) Đ quan sát thấy không có người trông coi, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy của anh Đ để bán lấy tiền tiêu. Đ đến ngồi lên xe, gạt chân chống, mở khóa nổ máy rồi điều khiển xe theo đường quốc lộ 10 đi huyện N, tỉnh Thanh Hóa tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày Đ đi tới ngã ba thuộc xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thì gặp anh Trần Trọng T, sinh năm 1972, ở xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa là bạn quen biết nhau từ trước; Đ và T vào quán nước ven đường uống nước nói chuyện với nhau. Quá trình ngồi chơi với nhau, do chưa tìm được nơi tiêu thụ và không muốn T biết về chiếc xe; Đ nói với T là Đ có việc phải đi rồi gửi anh T chiếc xe máy và hẹn mấy ngày nữa quay lại lấy xe; T đồng ý rồi đi xe về nhà mình còn Đ bắt ô tô đi về K.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản anh Trần Văn Đ có đơn trình báo Công an huyện K. Quá trình điều tra Công an huyện K đã triệu tập Trần Trọng Đ đến làm việc; tại cơ quan Công an huyện K, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại kết luận định giá số 30/HĐ-ĐG ngày 13/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Chiếc xe mô tô Honda Biển kiểm soát 35B1-342.95 có giá trị 10.700.000đ.

Bản cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 07/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Trần Trọng Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Trọng Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo 01chiếc quần Jean màu xanh, 01 áo phông có cổ ngắn tay màu xanh tím than, 01 mũ lưỡi chai màu xanh xám và 01 đôi dép da màu nâu; trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

Người bào chữa của bị cáo trình bầy ý kiến: Về cơ bản nhất trí với quan điểm nội dung bản luận tội cũng như việc áp dụng điều luật như đại diện Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX xem xét đến bị cáo đã tham gia quân ngũ; gia đình thuộc diện cận nghèo nên giảm nhẹ mức hình phạt, miễn án phí HSST cho với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng; sơ đồ hiện trường, tang vật chứng đã thu trong quá trình điều tra; biên bản định giá tài sản đối với chiếc xe máy mà bị cáo đã chiếm đoạt...Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/9/2018 tại sân, trước cửa nhà anh Trần Văn Đ ở xóm 2, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; bị cáo Đ đã có hành vi lén lút lấy chiếc xe máy của anh Đ có giá trị 10.700.000đ đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Viện kiểm sát huyện K truy tố bị cáo Trần Trọng Đ về tội" Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ; bản thân bị cáo đã từng bị UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng, không lấy đó làm bài học mà còn vi phạm. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[3] Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo thuộc diện cận nghèo; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Đối với anh Trần Ngọc T là người cho bị cáo gửi xe mà bị cáo trộm cắp được; nhưng bị cáo không nói và anh T cũng không biết chiếc xe đó là do bị cáo trộm cắp mà có, nên không có căn cứ xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án cơ quan điều tra công an huyện K đã trả cho anh Đ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 35B1- 342.95; nay anh Đ không có đề nghị gì nên không xem xét. Đối với 01 chiếc quần Jean màu xanh, 01 áo phông màu xanh tím, 01 đôi dép da màu nâu và 01 mũ lưỡi chai màu xanh đã thu của bị cáo, đây là tư trang cá nhân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo Đ thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[7] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Trọng Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo 10 (Mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2018.

Căn cứ khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho bị cáo 01 chiếc quần Jean màu xanh, 01 áo phông màu xanh tím, 01 đôi dép da màu nâu và 01 mũ lưỡi chai màu xanh đều đã qua sử dụng (chi tiết mô tả có biên bản giao, nhận ngày 09/11/2018 giữa Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Phan Hữu Ý
(Đã ký)

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND xã Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.